

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Do;

Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hiền Băng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bưởi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

W, sinh ngày 01/01/2003 tại G; nơi cư trú: Làng Kon Sơ Nglok, xã Hà, huyện Đ, tỉnh G; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Không đi học; dân tộc: Banar; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Bị cáo có cha là ông Kri và mẹ là bà Khuch. Bị cáo chưa có chồng. Tiền án: Không; tiền sự: Không. Ngày 01/12/2021, bị khởi tố và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo W: Ông Nguyễn Đình C – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh G. Có mặt.

- Bị hại: Ông Đình K, sinh năm: 1941; Trú tại: Làng Kon Sơ Ngok, xã Hà, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Kh, sinh năm 1978. Trú tại: Làng Kon Sơ Ngok, xã Hà, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

- Người phiên dịch: Ông Thui – Thôn trưởng làng Kon Sơ Ngok, xã Hà, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác: Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 23/11/2021, W đi đến nhà ông Đinh K (sinh năm 1941, trú tại làng Kon Sơ NgLok, xã Hà, huyện Đ, tỉnh G) chơi thì thấy ông Đinh Kíp lấy tiền trong túi xách màu đen để ở nệm dưới sàn đưa cho con trai đi mua rượu.

Đến khoảng 11 giờ ngày 24/11/2021, khi W đang rửa chén ở nhà, nhìn sang thì thấy ông Đinh Kíp đang ngủ ở nệm nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tiền. W đi bộ sang nhà ông Đinh K, đến chỗ ông Đinh Kíp đang ngủ, lục tìm trong túi xách thì thấy một xấp tiền gồm nhiều mệnh giá khác nhau và được cột bằng dây thun nên đã lấy rồi đi về nhà. Sau khi về nhà, W bỏ tiền ra đếm được 18.000.000 đồng rồi cất vào trong túi áo và đi ngủ. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, W lấy 4.000.000 đồng trong xấp tiền đã trộm cắp được của ông Đinh K đưa cho mẹ là bà Khuch nhờ cất giữ, W nói đây là tiền đi làm thêm nên bà Khuch không hỏi gì thêm và cất tiền trong túi áo. Khoảng 11 giờ ngày 25/11/2021, W nói bà Khuch cùng đi đến nhà văn hóa của làng để mua đồ ăn, uống và xả phòng tại xe bán hàng rong hết số tiền 850.000 đồng.

Đến sáng ngày 28/11/2021, nghi ngờ W là người trộm tiền nên ông Đinh Kíp đã gọi W đến nhà nói chuyện và W đã thừa nhận hành vi trộm cắp của mình. Đồng thời W lấy số tiền 13.150.000 đồng còn lại để trả cho ông Đinh Kíp. Sau khi biết số tiền 4.000.000 đồng mà W đưa cho mình cất giữ là tiền do W trộm cắp mà có nên bà Khuch đã trả lại số tiền này cho ông Đinh Kíp.

- *Về dân sự:* Ông Đinh K đã nhận lại số tiền 18.000.000 đồng do bị cáo và gia đình hoàn trả nên không yêu cầu gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số: 14/CT-VKS ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G truy tố bị cáo W về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với W và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đối với bị cáo W;

Xử phạt bị cáo W từ 06 (*sáu*) tháng đến 09 (*chín*) tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (*một*) năm đến 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo đang có thai, bản thân sống phụ thuộc vào gia đình và không có tài sản gì, nên đề nghị không xem xét hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về án phí hình sự: Bị cáo W phải chịu theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về tội danh, điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo mức án thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo W không có ý kiến gì với quyết định truy tố, bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và không bổ sung đối với bản luận cứ của người bào chữa.

Bị cáo nói lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Căn cứ vào các tình tiết, chứng cứ nêu trên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo và hình phạt: Vào ngày 24/11/2021, tại làng Kon Sơ NgLok, xã Hà, huyện Đ, tỉnh G, bị cáo W đã thực hiện hành vi trộm cắp của ông Đinh K số tiền 18.000.000 đồng.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác của bị cáo W là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự trị an xã hội tại địa phương. Tài sản mà bị cáo trộm cắp có trị giá là 18.000.000 đồng. Do vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố là đúng theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 06 (*sáu*) tháng đến 09 (*chín*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Qua xem xét quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, thì bị cáo W có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, trước khi phạm tội luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, không vi phạm các điều mà pháp luật cấm, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; khi phạm tội bị cáo đang có thai, tại phiên tòa bị cáo đang có thai, nên không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe đối với bị cáo. Do vậy, cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo W được hưởng án treo để tạo điều kiện cho bị cáo được rèn luyện bản thân thành công dân có ích cho xã hội và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Tuy nhiên, về khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo đề nghị, Hội đồng xét xử xét không chấp nhận vì tình hình trộm cắp tài sản từ trước đến nay trên địa bàn huyện Đ diễn biến phức tạp, bị cáo W là thanh niên

khỏe mạnh, có đầy đủ năng lực hành vi trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý trực tiếp, chỉ vì bản chất lười lao động, thích tiêu xài trên sức lao động của người khác nên bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, xâm phạm trật tự trị an xã hội tại địa phương được pháp luật bảo vệ; đối với tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì cấu thành tội phạm vật chất từ 2.000.000đồng đến dưới 50.000.000đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm, trong vụ án này số tiền bị cáo W chiếm đoạt có trị giá là 18.000.000 đồng tương ứng với khung hình phạt từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy phải áp dụng cho bị cáo mức án nghiêm khắc tương ứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra, mới đủ tính chất răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Đồng thời khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét xem xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Đối với bà Khuch mẹ của bị cáo, là người đã cất giữ giúp cho bị cáo W số tiền 4.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà Khuch không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên không xử lý về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo đang có thai, là người đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng kinh tế khó khăn, bị cáo đang sống phụ thuộc vào gia đình và không có tài sản, nên không có khả năng thi hành án với hình phạt bổ sung là phạt tiền. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo W phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt. Khi phạm tội, bị cáo W là phụ nữ có thai; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Ngoài ra, bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, không được đi học nên trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế. Vì vậy, bị cáo W được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000đồng (*hai trăm nghìn đồng*) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo W;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo W phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo W 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/3/2022).

Giao bị cáo W cho Ủy ban nhân dân xã Hà, huyện Đ, tỉnh G giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí:

Xử buộc bị cáo W phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/3/2022), bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh G;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh G;
- Cơ quan Thi hành án tỉnh G;
- Cơ quan điều tra - Công an huyện Đ;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện Đ;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Ủy ban nhân dân xã Hà, huyện Đ, tỉnh G,
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ/VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Thơ